

Thẩm quyền của tòa án trong tư pháp quốc tế : Luận văn
ThS. Luật: 60 38 60 / Nguyễn Quốc Tuấn ; Nghd. : PGS.TS.
Nguyễn Trung Tín

MỞ ĐẦU

1. TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ TÀI

Với mục đích tối đa hoá một cách hợp lý những lợi ích vật chất hoặc giá trị tinh thần, cá nhân, tổ chức kinh tế cần phải xác lập các giao dịch vượt ra ngoài phạm vi biên giới quốc gia; các quan hệ dân sự (nói chung) vượt ra ngoài phạm vi biên giới quốc gia nếu phát sinh tranh chấp thì có thể chịu sự tài phán của nhiều quốc gia.

Trong phạm vi quốc gia, sau khi được xác lập hoặc hình thành, các quan hệ dân sự thường có sự phát triển dẫn đến sự thay đổi và chấm dứt. Việc thay đổi hoặc chấm dứt quan hệ do các bên tham gia thoả thuận và đình đoạt bởi một hoặc cả hai bên, tùy thuộc vào quan hệ hoặc nội dung thoả thuận mà có thể yêu cầu Trọng tài hoặc Tòa án quốc gia giải quyết.

Khi các quan hệ không còn chỉ tồn tại trong phạm vi quốc gia nữa, xuất phát từ nguyên tắc chủ quyền quốc gia, nghĩa vụ của Nhà nước trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, các quốc gia, bằng việc ban hành luật quốc nội và ký kết hoặc tham gia các điều ước quốc tế để xác định thẩm quyền cho Tòa án của quốc gia mình.

Ở nước ta, trước đây thẩm quyền của Tòa án trong Tư pháp quốc tế được quy định rải rác trong các văn bản pháp luật khác nhau như Luật tổ chức Tòa án nhân dân, Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án dân sự, Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án kinh tế, Pháp lệnh thủ tục giải quyết các tranh chấp lao động, Pháp lệnh công nhận và thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài, Pháp lệnh công nhận và thi hành tại Việt Nam quyết định của trọng tài nước ngoài,.... Nay, thẩm quyền

của Toà án Việt Nam trong Tư pháp quốc tế được quy định phần nào thống nhất trong Bộ luật tố tụng dân sự và một số văn bản pháp luật chuyên biệt khác.

Về Điều ước quốc tế, tính đến nay, Việt Nam đã ký kết 14 Hiệp định tương trợ tư pháp với các nước (Đức - đã hết hiệu lực ngày 16/4/1994, Liên Xô - Liên bang Nga kế thừa từ năm 1992 đến khi Hiệp định giữa Việt Nam và Nga ký kết tháng 8/1998 có hiệu lực, Tiệp Khắc - sau này, cả Séc và Slôvakia đều kế thừa Hiệp định này, Cu Ba, Hungary, Bungary, Ba Lan, Lào, Nga, Trung Quốc, Pháp, Ucraina, Mông Cổ, Belarus). Trong các Hiệp định này, vấn đề liên quan tới Thẩm quyền của Toà án Việt Nam trong Tư pháp quốc tế được ghi nhận.

Việc xác định thẩm quyền của Tòa án quốc gia trong Tư pháp quốc tế có ý nghĩa rất quan trọng, nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá dân và tổ chức có quốc tịch của quốc gia đó; nhằm khẳng định chủ quyền quốc gia, bảo đảm trật tự công. Tuy nhiên, để hướng tới sự đồng thuận, đảm bảo quan hệ cùng có lợi giữa các quốc gia, chúng ta cần phải xây dựng khung pháp lý rõ ràng, xác định những nguyên tắc căn bản và cụ thể để quy định thẩm quyền của Toà án quốc gia và tham gia hoặc ký kết các điều ước quốc tế liên quan đến việc xác định thẩm quyền của toà án quốc gia trong Tư pháp quốc tế. Vì vậy, việc nghiên cứu đề tài **“Thẩm quyền của Toà án trong Tư pháp quốc tế”** hiện nay mang tính cấp thiết. Không những có ý nghĩa về mặt lý luận mà còn có ý nghĩa thực tiễn khi gia nhập hoặc ký kết các hiệp định tương trợ tư pháp trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay.

2. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI

Việc nghiên cứu thẩm quyền của Toà án Việt Nam trong Tư pháp quốc tế đã được một số nhà nghiên cứu quan tâm như luận án tiến sỹ “Công nhận và thi hành phán quyết của Trọng tài nước ngoài” của tác giả Nguyễn Trung Tín, luận án tiến sỹ “Công nhận và thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài” của tác giả Nguyễn Hoài Phương, hay bài viết “Một số vấn đề về xác định thẩm quyền của Tòa án trong Tư pháp quốc tế” của tác giả Đồng Thị Kim Thoa đăng trên Tạp chí Nhà nước và Pháp luật số 6/2006.

Các bài nghiên cứu này chưa chuyên sâu và toàn diện về thẩm quyền của Toà án Việt Nam trong Tư pháp quốc tế mà mới chỉ nghiên cứu một khía cạnh nào đó của thẩm quyền của Toà án Việt Nam trong Tư pháp quốc tế. Thực tế,

hiện nay chưa có công trình nghiên cứu chuyên sâu, toàn diện về vấn đề này. Vì vậy, đề tài này vẫn còn nhiều vấn đề để nghiên cứu.

3. MỤC ĐÍCH, NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI

3.1. Mục đích nghiên cứu đề tài

- Đề tài góp phần bổ sung các vấn đề lý luận về quy định thẩm quyền của Toà án quốc gia trong Tư pháp quốc tế.
- Đánh giá thực trạng pháp luật quy định về thẩm quyền của Toà án Việt Nam trong Tư pháp quốc tế.
- Đề ra định hướng hoàn thiện pháp luật về thẩm quyền của Toà án Việt Nam trong Tư pháp quốc tế.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu đề tài

Để đạt được mục đích trên, luận văn thực hiện nhiệm vụ sau đây:

- Làm sáng tỏ các tiêu chí cơ bản trong việc xác định thẩm quyền của Toà án quốc gia trong Tư pháp quốc tế;
- Nêu và phân tích các nguyên nhân các quốc gia muốn giành quyền xét xử đối với những tranh chấp, yêu cầu mà một trong các bên đương sự là công dân hoặc tổ chức của nước mình;
- Làm rõ những bất cập và khó khăn nảy sinh khi quy định thẩm quyền của Toà án quốc gia trong Tư pháp quốc tế;
- Đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện các quy định về thẩm quyền của Toà án quốc gia trong Tư pháp quốc tế.

4. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU

Luận văn nghiên cứu cơ sở lý luận về việc quy định thẩm quyền của Toà án quốc gia trong Tư pháp quốc tế; nghiên cứu thực trạng pháp luật quốc nội và điều ước quốc tế và kiến giải xung đột thẩm quyền của Toà án trong Tư pháp quốc tế nhằm đưa ra định hướng hoàn thiện luật thực định về vấn đề này.

5. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI

Cơ sở lý luận nghiên cứu đề tài là phương pháp luận triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác – Lênin. Đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam về xây dựng Nhà nước và Pháp quyền. Đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước trong sự nghiệp đổi mới, phát triển nền kinh tế thị trường và thực tiễn áp dụng.

Bên cạnh đó, Tác giả còn đặc biệt coi trọng sử dụng các phương pháp phân tích quy phạm; điển hình hoá, mô hình hóa các trường hợp xung đột thẩm quyền, phương pháp so sánh, phân tích, đánh giá để giải quyết các vấn đề của đề tài đặt ra.

6. NHỮNG ĐIỂM MỚI VÀ Ý NGHĨA THỰC TIỄN CỦA ĐỀ TÀI

- Nghiên cứu một cách toàn diện cả về lý luận và thực tiễn pháp luật quy định thẩm quyền của Tòa án trong Tư pháp quốc tế

- Trên cơ sở nghiên cứu thực trạng thẩm quyền của Tòa án trong Tư pháp quốc tế để tìm ra những tồn tại trong quy định của pháp luật điều chỉnh về vấn đề này.

- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật quy định thẩm quyền của Tòa án trong Tư pháp quốc tế.

7. KẾT CẤU CỦA LUẬN VĂN

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, Luận văn gồm 3 chương:

Chương 1. Những vấn đề lý luận cơ bản về thẩm quyền của Tòa án trong Tư pháp quốc tế

Chương 2. Thực trạng pháp luật Việt Nam về thẩm quyền của Tòa án trong Tư pháp quốc tế

Chương 3. Hoàn thiện pháp luật Việt Nam về xác định thẩm quyền của Tòa án trong Tư pháp quốc tế.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN

VỀ THẨM QUYỀN CỦA TOÀ ÁN TRONG TƯ PHÁP QUỐC TẾ

1.1. Khái niệm thẩm quyền của Tòa án trong Tư pháp quốc tế

1.1.1. Khái niệm thẩm quyền Tòa án

1.1.1.1. Khái niệm thẩm quyền

Thẩm quyền là quyền năng pháp lý xuất phát từ quyền lực nhà nước (quyền lực lập pháp, quyền lực hành pháp và quyền lực tư pháp) được xác định theo quy định của pháp luật, đối với (những) vụ việc/lĩnh vực nhất định.

1.1.1.2. Thẩm quyền của Tòa án

Thẩm quyền của Tòa án là quyền năng pháp lý của Tòa án (quyền lực tư pháp, quyền tài phán của quốc gia) được xác định theo quy định của pháp luật có quyền xem xét thụ lý, giải quyết các vụ việc bằng một quyết định hoặc bản án của Tòa án theo trình tự, thủ tục của pháp luật tố tụng.

1.1.2. Thẩm quyền của Tòa án trong Tư pháp quốc tế

1.1.2.1. Khái niệm Tư pháp quốc tế

Tư pháp quốc tế là một bộ môn khoa học pháp lý độc lập và là một ngành luật độc lập bao gồm các nguyên tắc và quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ dân sự, kinh doanh, thương mại, hôn nhân - gia đình, lao động và tố tụng dân sự (theo nghĩa rộng) có yếu tố nước ngoài.

Thẩm quyền của Tòa án trong Tư pháp quốc tế được nghiên cứu là một bộ phận của tố tụng dân sự có yếu tố nước ngoài, bao gồm 1) thẩm quyền giải quyết các vụ việc dân sự (theo nghĩa rộng) có yếu tố nước ngoài; 2) vấn đề ủy thác tư pháp; và 3) vấn đề công nhận và cho thi hành các bản án, quyết định của tòa án nước ngoài, quyết định của trọng tài nước ngoài.

1.1.2.2. Thẩm quyền của Tòa án trong Tư pháp quốc tế

~~Có nhiều tiêu chí để phân loại Tòa án, có thể là theo tiêu chí hệ thống tổ chức (Tòa hình sự, Tòa dân sự, Tòa kinh tế, Tòa hành chính, Tòa lao động), tiêu chí cấp bậc 2 cấp xét xử: Tòa án cấp sơ thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm (nếu Tòa án cấp huyện xét xử sơ thẩm mà bản án, quyết định bị kháng cáo, kháng nghị~~

Formatted: Font: 16 pt, Font color: Black

Formatted: Font: 16 pt, Font color: Black

Formatted: Font: 16 pt

Formatted: Font: 16 pt

Formatted: Font: 16 pt, Font color: Black

thì Tòa án cấp phúc thẩm chính là Tòa án cấp tỉnh; nếu Tòa án cấp tỉnh xét xử sơ thẩm mà bản án quyết định bị kháng cáo, kháng nghị thì Tòa án cấp phúc thẩm là Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao), có thể là theo tiêu chí lãnh thổ (Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án cấp tỉnh, Tòa án cấp huyện). Việc đề cập đến các tiêu chí trên để thấy rằng Tòa án phải giải quyết không chỉ các vụ việc dân sự (theo nghĩa rộng) mà còn cả các vụ việc hình sự và hành chính với các quy trình tố tụng khác nhau, từ đó dùng phương pháp loại trừ tác giả chỉ nghiên cứu thẩm quyền của Tòa án theo tố tụng dân sự được áp dụng vào trường riêng biệt là tố tụng dân sự có yếu tố nước ngoài.

Thẩm quyền của Tòa án trong Tư pháp quốc tế là quyền năng pháp lý của Tòa án quốc gia (quyền lực tư pháp, quyền tài phán của quốc gia) được xác định theo quy định của pháp luật trong nước, trong các điều ước quốc tế mà quốc gia đó là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi, có lại; có quyền xem xét thụ lý, giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài bằng một quyết định hoặc bản án của Tòa án theo trình tự, thủ tục của pháp luật tố tụng dân sự quốc gia.

Formatted: Font: 16 pt, Font color: Black

Formatted: Font: 16 pt, Font color: Black

1.1.3. Các đặc điểm chính của thẩm quyền của Tòa án trong Tư pháp quốc tế

1.1.3.1. Chủ thể giải quyết các vụ việc trong Tư pháp quốc tế là Tòa án của quốc gia có thẩm quyền

Đặc điểm cơ bản quan trọng nhất khi nghiên cứu thẩm quyền của Tòa án trong Tư pháp quốc tế chính là giải quyết triệt để vấn đề xung đột thẩm quyền tư pháp của các quốc gia có liên quan đến vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài, tức là xác định tòa án của quốc gia nào có thẩm quyền. Đây chính là việc xác định chủ thể có thẩm quyền giải quyết thuộc về quốc gia nào hay thẩm quyền tư pháp của quốc gia nào, mà cụ thể là Tòa án của quốc gia nào có thẩm quyền.

Formatted: Font: 16 pt, Font color: Black

Formatted: Font: 16 pt, Font color: Black

1.1.3.2. Căn cứ pháp lý xác định thẩm quyền không chỉ bó hẹp trong luật quốc nội

Thẩm quyền của Tòa án trong Tư pháp quốc tế, giải quyết các vụ việc phát sinh từ các quan hệ dân sự (theo nghĩa rộng) có yếu tố nước ngoài trước hết vẫn phải căn cứ vào những nguyên tắc nhất định của các văn bản pháp luật trong nước. Điều này được thể hiện rõ ràng nhất khi xác định thẩm quyền của Tòa án trong Tư pháp quốc tế là phải căn cứ nguyên tắc bình đẳng về chủ quyền quốc gia để xây dựng quy phạm tổ tụng - quy phạm thực chất, quy phạm đơn phương. Quy phạm này xác định trong trường hợp cụ thể, tòa án có thẩm quyền hay không. Tức là chỉ xác định thẩm quyền của tòa án của chính nước đã xây dựng ra quy phạm đó mà không có quyền xây dựng các quy phạm pháp luật để xác định thẩm quyền của Tòa án của quốc gia khác trong Tư pháp quốc tế. Tuy nhiên, để tránh các trường hợp xung đột thẩm quyền của Tòa án giữa các quốc gia liên quan, các quốc gia cũng có thể ký kết với nhau những điều ước quốc tế để xác định thẩm quyền của Tòa án của mỗi quốc gia.

1.1.3.3. Có quyền áp dụng tập quán quốc tế và pháp luật nội dung của quốc gia khác

Tòa án quốc gia chỉ áp dụng tập quán quốc tế và pháp luật nội dung của nước ngoài khi được các văn bản pháp luật trong nước quy định hoặc được điều ước quốc tế mà quốc gia đó là thành viên viện dẫn hoặc được các bên thỏa thuận trong hợp đồng nếu thỏa thuận đó không trái với những nguyên tắc cơ bản của pháp luật nước mình.

1.1.3.4. Có quyền công nhận và cho thi hành bản án, quyết định của Tòa án nước ngoài, quyết định của trọng tài nước ngoài tại Việt Nam

Bản án, quyết định của tòa án, quyết định của trọng tài đã được tuyên ở nước nào thì chỉ có hiệu lực thi hành ở lãnh thổ nước đó. Bởi vậy, về nguyên tắc, bản án, quyết định của tòa án nước ngoài, quyết định của trọng tài nước ngoài muốn được thi hành ở nước khác thì phải được Tòa án của nước đó ra quyết định công nhận và cho thi hành.

1.1.3.5. Có quyền ủy thác tư pháp về dân sự của Việt Nam ra nước ngoài và thực hiện ủy thác tư pháp về dân sự của nước ngoài cho Việt Nam

Formatted: Font: Italic, Font color: Black

Formatted: Font: 16 pt, Italic, Font color: Black

Formatted: Font: 16 pt, Italic, Font color: Black

Formatted: Font: 16 pt

Formatted: Font: 16 pt

Formatted: Font: 16 pt

Formatted: Font: 16 pt

Formatted: Font: 16 pt

Formatted: Font: 16 pt

Formatted: Font: 16 pt

Formatted: Font: 16 pt

Formatted: Font: 16 pt

Formatted: Font: 16 pt, Italic

Formatted: Font: 16 pt

Formatted: Font: 16 pt, Italic, Condensed by 0.2 pt

Formatted: Font: 16 pt, Italic, Condensed by 0.2 pt

Thẩm quyền của Tòa án trong tố tụng dân sự thông thường thì chỉ tiến hành những hành vi tố tụng trong phạm vi lãnh thổ của quốc gia mình. Thẩm quyền của Tòa án trong Tư pháp quốc tế đòi hỏi nếu không thực hiện một số hành vi tố tụng riêng lẻ như tổng đạt giấy tờ, hồ sơ, tài liệu; triệu tập người làm chứng, người giám định; thu thập, cung cấp chứng cứ hoặc các yêu cầu khác ở nước ngoài thì không thể giải quyết được vụ việc. Trong trường hợp đó, tòa án phải ủy thác cho tòa án của nước ngoài có liên quan thực hiện giúp một số hành vi tố tụng riêng lẻ.

Formatted: Font: 16 pt

Formatted: Font: 16 pt

1.2. Tiêu chí xác định thẩm quyền của Tòa án trong Tư pháp quốc tế

1.2.1. Các tiêu chí xác định thẩm quyền của Tòa án trong Tư pháp quốc tế ở một số quốc gia

Formatted: Font: 16 pt

1.2.1.1. Các nước thuộc hệ thống pháp luật châu Âu lục địa

Formatted: Font: 16 pt

~~Các quốc gia thuộc hệ thống pháp luật châu Âu lục địa tuân thủ những nguyên tắc của luật La Mã cổ, mà điển hình là Bộ luật dân sự Napôlêông của Pháp năm 1804.~~ Tiêu chí xác định thẩm quyền của Tòa án trong Tư pháp quốc tế của Pháp hoàn toàn dựa trên tiêu chí quốc tịch của đương sự. Tình trạng này chỉ chấm dứt khi Tòa án Tư pháp tối cao của Pháp tuyên bố trong một án lệ: Việc các bên đương sự trong vụ kiện dân sự đều là người nước ngoài không phải là lý do để Tòa án Pháp không có thẩm quyền xét xử. Từ sau án lệ này, Tòa án của Pháp cũng có thẩm quyền đối với những vụ việc mà đương sự đều là người nước ngoài nhưng có những mối liên hệ nhất định với lãnh thổ Pháp (nơi cư trú, nơi thực hiện hành vi, nơi có tài sản tranh chấp...).

Formatted: Font: 16 pt

Theo pháp luật của Đức, Bungary, Rumany, Hungary và Nga thì tiêu chí chính xác định thẩm quyền của Tòa án trong Tư pháp quốc tế là nơi cư trú của bị đơn.

Formatted: Font: 16 pt

1.2.1.2. Các nước thuộc hệ thống pháp luật Anh Mỹ

Formatted: Font: 16 pt

Tiêu chí xác định thẩm quyền của Tòa án trong Tư pháp quốc tế của pháp luật của Anh và của Mỹ không phải là quốc tịch của đương sự hay nơi cư trú của bị đơn mà là khả năng thực tế trao cho bị đơn lệnh gọi ra Tòa. Tuy nhiên, tiêu chí nêu trên gây khó khăn cho việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bên nguyên đơn nên Tòa án tối cao của Anh đã quy định cho phép các Tòa án Anh giải quyết các vụ việc liên quan đến các khu đất trên lãnh thổ Anh hoặc phát sinh từ quan hệ hợp đồng ký kết ở Anh ~~hoặc phát sinh từ quan hệ hợp đồng~~

Formatted: Font: 16 pt

~~ký kết ở Anh~~ hoặc do hành vi gây thiệt hại xảy ra ở Anh, bất kể bị đơn có mặt ở Anh hay không; đối với loại đơn kiện nhằm đạt lấy một bản án hay quyết định có hiệu lực đối với mọi người, không chỉ đối với các bên tranh chấp thì; tòa án của Anh nơi tài sản tranh chấp tồn tại hoặc nơi cư trú của bị đơn có thẩm quyền giải quyết. Tòa án Anh có thẩm quyền đối với những vụ việc dân sự nếu các bên đương sự thỏa thuận đưa ra Tòa án Anh giải quyết, dù không tồn tại bất kỳ một mối liên hệ nào giữa vụ việc với nước Anh.

Formatted: Font: 16 pt, Condensed by 0.2 pt

1.2.2. Các tiêu chí xác định thẩm quyền của Tòa án trong Tư pháp quốc tế theo các Điều ước quốc tế

Công ước La Haye năm 1902 về phân định thẩm quyền các vụ việc đồ đầu đối với trẻ vị thành niên có tiêu chí xác định thẩm quyền của Tòa án trong Tư pháp quốc tế là quốc tịch của đứa trẻ.

Formatted: Font: 16 pt

Công ước Brussels ngày 27-9-1968 được ký kết giữa các quốc gia là thành viên của Cộng đồng Châu Âu và Công ước Lugano ngày 16-9-1988 được ký kết giữa Cộng đồng Châu Âu và Hiệp hội Mậu dịch tự do Châu Âu, đều về thẩm quyền và thi hành các bản án trong các vấn đề dân sự và thương mại. Tiêu chí để xác định thẩm quyền của các điều ước quốc tế này là thẩm quyền theo nơi cư trú của bị đơn, thẩm quyền theo lĩnh vực và thẩm quyền theo sự lựa chọn của các bên.

Formatted: Font: 16 pt

Tiêu chí quyết định đến thẩm quyền của Tòa án là nơi cư trú của bị đơn, những người cư trú ở một nước thành viên (bất kể bị đơn mang quốc tịch nước nào) sẽ có quyền khởi kiện ở những Tòa án của nước đó. Tuy nhiên, thẩm quyền này không mang tính tuyệt đối, trong một số trường hợp, thẩm quyền của Tòa án của một nước thành viên khác ngoài Tòa án của nước nơi bị đơn cư trú được thụ lý giải quyết.

Formatted: Font: 16 pt, Condensed by 0.2 pt

Formatted: Font: 16 pt, Font color: Black, Condensed by 0.2 pt

Formatted: Font: 16 pt, Font color: Black, Condensed by 0.2 pt

Formatted: Font: 16 pt, Font color: Black, Condensed by 0.2 pt

Công ước về thỏa thuận lựa chọn Tòa án ngày 30-6-2005 áp dụng đối với các vụ việc quốc tế có thỏa thuận được ký kết lựa chọn tòa án riêng biệt về các vấn đề thương mại và dân sự. Đúng như tên gọi của Công ước, tiêu chí xác định thẩm quyền của Tòa án trong Tư pháp quốc tế là thỏa thuận chọn tòa án riêng biệt, thỏa thuận này làm loại trừ thẩm quyền của bất kỳ tòa án nào khác và được coi là riêng biệt, duy nhất trừ khi các bên có quy định khác.

Formatted: Font: 16 pt

Formatted: Font: 16 pt

~~Xuất phát từ trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cá nhân, tổ chức khi giải quyết các tranh chấp, yêu cầu; Xuất phát từ~~

nguyên tắc được Nhà nước bảo vệ bằng pháp luật. Khi bị thiệt hại, có thể bị thiệt hại... cá nhân, tổ chức thường thực hiện quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.... Như vậy, công dân được yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề mà pháp luật không cấm và Tòa án phải có nghĩa vụ tiếp nhận những yêu cầu của họ.

Formatted: Font: 16 pt

1.2.3. **Đặc điểm và ý nghĩa của các cách thức phân việc xác định thẩm quyền của Tòa án trong Tư pháp quốc tế**

Nếu ở tiêu chí quốc tịch của đương sự, theo đó có một hoặc các bên đương sự trong vụ việc đó có quốc tịch nước mình thì tòa án của mình có thẩm quyền, đây là tiêu chí đặc thù, tiêu chí phổ biến nhất để xác định thẩm quyền của Tòa án trong Tư pháp quốc tế vì quốc tịch thể hiện mối quan hệ gắn bó của cá nhân, tổ chức với Nhà nước, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của công dân, pháp nhân đối với Nhà nước và quyền, trách nhiệm của Nhà nước đối với công dân, pháp nhân.

Formatted: Justified, Indent: First line: 0.5", Space After: 0 pt, Line spacing: Multiple 1.2 li

Formatted: Font: 16 pt

Formatted: Font: 16 pt, Not Italic, Font color: Black, Portuguese (Brazil)

Formatted: Font: 16 pt, Not Italic, Font color: Black, Portuguese (Brazil)

Formatted: Font: 16 pt, Not Italic, Font color: Black, Portuguese (Brazil)

Formatted: Font: 16 pt

Nếu ở tiêu chí mối liên quan của vụ việc đối với lãnh thổ của quốc gia có tòa án như đương sự cư trú trên lãnh thổ của quốc gia có tòa án, vật bị tranh chấp tồn tại trên lãnh thổ của quốc gia có tòa án, sự kiện pháp lý gắn với quan hệ nội dung bị tranh chấp được thực hiện trên lãnh thổ của quốc gia có tòa án thì Tòa án của quốc gia đó cũng có thẩm quyền, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu thập chứng cứ, tổng đạt văn bản tố tụng cho bị đơn, lấy lời khai người làm chứng, và thực hiện các hành vi tố tụng khác để giải quyết có hiệu quả các vụ việc, đồng thời để bảo đảm thi hành các bản án, quyết định của Tòa án, ổn định mối quan hệ giữa các bên đương sự, bảo vệ tốt các quyền và lợi ích chính đáng của họ, tránh được việc nếu phải hầu tòa ở nước ngoài sẽ phải đối mặt với nhiều loại chi phí và nhiều bất tiện phát sinh, như là cần phải dịch các tài liệu có liên quan, thuê luật sư ở nước diễn ra các hoạt động tố tụng hoặc là việc đi lại đến các buổi làm việc tại tòa án....

Formatted: Font: 16 pt

Formatted: Font: 16 pt, Font color: Black

Formatted: Font: 16 pt, Font color: Black

Formatted: Space After: 0 pt, Line spacing: Multiple 1.2 li

Nếu ở tiêu chí sự thỏa thuận của các bên đương sự thì Tòa án của một nước có thẩm quyền chỉ căn cứ duy nhất vào sự lựa chọn của các bên đương sự. Bảo vệ công dân, cá nhân, tổ chức là nhiệm vụ của nhà nước. Xuất phát từ những mục tiêu khác nhau, như an ninh quốc phòng, kinh tế xã hội... các quốc gia buộc phải có sự hợp tác với nhau, nói cách khác, sự hợp tác giữa các quốc gia là một tất yếu khách quan. Trên cơ sở đó, các cá nhân, pháp nhân của các

Formatted: Font: 16 pt

quốc gia có quan hệ với nhau thông qua các quan hệ kinh doanh, hôn nhân, lao động ... Vấn đề này đòi hỏi các quốc gia phải xây dựng những quy phạm pháp luật quốc nội và tham gia hoặc ký kết các điều ước quốc tế để điều chỉnh các quan hệ của công dân, pháp nhân nước mình khi quan hệ của họ vượt ra khỏi biên giới quốc gia. Tập hợp các quy phạm điều chỉnh lĩnh vực này có thể được gọi tên là Tư pháp quốc tế một cách chính danh hoặc theo quy ước tùy thuộc vào việc phân chia hệ thống pháp luật thành luật công và luật tư. Ở nước ta, hệ thống pháp luật không phân chia thành công, tư nên Tư pháp quốc tế chỉ được gọi theo quy ước.

Để thực thi các quy phạm pháp luật điều chỉnh lĩnh vực Tư pháp quốc tế một cách hiệu quả, các quốc gia thì không thể không trao thẩm quyền cho cho Toà án. Do vậy, các quốc gia cũng phải xây dựng những quy phạm pháp luật tổ tụng và tham gia hoặc ký kết các điều ước quốc tế để phân định thẩm quyền của Toà án quốc gia trong việc giải quyết các quan hệ dân sự mang tính quốc tế.

Thẩm quyền của Toà án trong tư pháp quốc tế là quyền năng pháp lý của Toà án quốc gia được đặc định trong luật thực định của quốc gia trong các điều ước quốc tế, những quyền năng được sáng tạo pháp luật, giải thích pháp luật trên cơ sở lẽ công bằng, lương tâm, đạo đức nghề nghiệp để thực hiện chức năng của Toà án nhằm bảo vệ các quyền lợi vật chất, tinh thần, sức khoẻ... của tổ chức cá nhân.

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

VỀ THẨM QUYỀN CỦA TOÀ ÁN TRONG TƯ PHÁP QUỐC TẾ

2.1. Xác định thẩm quyền của Tòa án trong Tư pháp quốc tế trước thời điểm Bộ luật tố tụng dân sự có hiệu lực

Trước thời điểm Bộ luật tố tụng dân sự có hiệu lực (ngày 01-01-2005), thẩm quyền của Tòa án trong Tư pháp quốc tế được quy định rải rác trong các văn bản pháp luật khác nhau như Bộ luật hàng hải năm 1990, Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 1996, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư nước ngoài năm 2000, Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án dân sự ~~ngày 29-11-năm~~ 1989, Pháp lệnh công nhận và thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài ~~ngày 17-4-năm~~ 1993, Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án kinh tế ~~ngày 16-3-năm~~ 1994, Pháp lệnh công nhận và thi hành tại Việt Nam quyết định của Trọng tài nước ngoài ~~ngày 14-9-năm~~ 1995, Pháp lệnh thủ tục giải quyết các tranh chấp lao động ~~ngày 11-4-năm~~ 1996,

Những văn bản pháp luật này đã góp phần vào việc giải quyết kịp thời các vụ việc phát sinh, đặt những viên gạch móng đầu tiên cho quá trình hoàn thiện pháp luật về thẩm quyền của Tòa án trong Tư pháp quốc tế sau này. Tuy nhiên, pháp luật Việt Nam thời kỳ này chưa có các quy định chung xác định thẩm quyền của Tòa án trong Tư pháp quốc tế, hay tiêu chí nào xác định vụ việc dân sự thuộc thẩm quyền riêng biệt của Tòa án Việt Nam, vì vậy, nhiều trường hợp Tòa án Việt Nam dành quyền giải quyết mặc dù các bên có thỏa thuận hợp đồng sẽ được điều chỉnh, giải thích và sẽ có hiệu lực theo luật của nước ngoài, các tranh chấp hoặc bất đồng sẽ được đệ trình lên Trọng tài và cuối cùng sẽ được giải quyết theo các quy định của Luật Trọng tài nước ngoài; hay trường hợp Tòa án Việt Nam dành quyền giải quyết chỉ căn cứ trình bày của nguyên đơn đối với tranh chấp hợp đồng được thực hiện ở nước ngoài, bị đơn là pháp nhân nước ngoài (địa chỉ do nguyên đơn cung cấp).

Bên cạnh các văn bản pháp luật trong nước như đã nêu trên, thời kỳ này, Việt Nam còn ký kết các Điều ước quốc tế (cụ thể là các Hiệp định tương trợ tư pháp) xác định thẩm quyền của Tòa án Việt Nam trong Tư pháp quốc tế. Trong các Hiệp định này, tiêu chí chính để xác định thẩm quyền của Tòa án trong Tư

pháp quốc tế là quốc tịch, ngoài ra còn có tiêu chí mối liên quan của vụ việc đối với lãnh thổ, và cũng đã có Hiệp định xác định thẩm quyền của Tòa án dựa trên sự thỏa thuận của các đương sự.

2.2. Xác định thẩm quyền của Tòa án trong Tư pháp quốc tế từ khi có Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại kỳ họp lần thứ V ngày 15-6-2004, Quốc hội khóa XI đã thông qua Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây gọi là Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004). Sau khi Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 có hiệu lực, một loạt văn bản pháp luật chuyên biệt điều chỉnh một số lĩnh vực của quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài cũng được sửa đổi, bổ sung hoặc xây dựng mới, đó là Bộ luật hàng hải 2005, Luật đầu tư năm 2005, Luật hàng không dân dụng [năm](#) 2006.

~~(Lưu ý: cần nêu điều luật quy định, căn cứ, đánh giá)~~

2.2.1. Thẩm quyền giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài

Việc xác định thẩm quyền chung của Tòa án Việt Nam dựa trên tiêu chí quốc tịch của đương sự hoặc kết hợp với nơi cư trú của đương sự (vụ việc dân sự về quan hệ dân sự mà căn cứ để xác lập, thay đổi, chấm dứt quan hệ đó theo pháp luật nước ngoài hoặc xảy ra ở nước ngoài, nhưng các đương sự đều là công dân, cơ quan, tổ chức Việt Nam và nguyên đơn hoặc bị đơn cư trú tại Việt Nam; vụ việc ly hôn mà nguyên đơn hoặc bị đơn là công dân Việt Nam; nguyên đơn là công dân nước ngoài, người không quốc tịch cư trú, làm ăn, sinh sống lâu dài tại Việt Nam đối với vụ việc dân sự về yêu cầu đòi tiền cấp dưỡng, xác định cha mẹ), và dựa trên tiêu chí mối liên quan của vụ việc đối với lãnh thổ của quốc gia có tòa án, đó là nơi bị đơn cư trú và vật tranh chấp tồn tại (bị đơn là cơ quan, tổ chức nước ngoài có trụ sở chính tại Việt Nam hoặc bị đơn có cơ quan quản lý, chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam; bị đơn là công dân nước ngoài, người không quốc tịch cư trú, làm ăn, sinh sống lâu dài tại Việt Nam hoặc có tài sản trên lãnh thổ Việt Nam), hoặc sự kiện pháp lý gắn với quan hệ nội dung bị tranh chấp được thực hiện trên lãnh thổ của quốc gia có Tòa án (vụ việc dân sự về quan hệ dân sự mà căn cứ để xác lập, thay đổi, chấm dứt quan hệ đó theo pháp luật Việt Nam hoặc xảy ra trên lãnh thổ Việt Nam, nhưng có ít nhất một trong các đương sự là cá nhân, cơ quan, tổ chức nước ngoài; tranh chấp phát sinh từ hợp đồng mà việc thực hiện toàn bộ hoặc một phần hợp đồng xảy ra trên lãnh thổ Việt Nam).

Ngoài việc quy định 07 trường hợp Tòa án Việt Nam có thẩm quyền chung giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài, Bộ luật tố tụng dân sự quy định rõ tại Điều 411 những vụ việc dân sự thuộc thẩm quyền riêng biệt của Tòa án Việt Nam, tức là Tòa án Việt Nam có quyền giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài không phụ thuộc vào Tòa án nước ngoài đã thụ lý, giải quyết; hay nói cách khác, đối với những vụ việc dân sự này, Tòa án Việt Nam không dành quyền giải quyết cho Tòa án nước ngoài. Việc xác định thẩm quyền riêng biệt của Tòa án Việt Nam trong trường hợp này nhằm bảo vệ chủ quyền và lợi ích quốc gia, thuận lợi trong việc thu thập chứng cứ, tổng đạt văn bản tố tụng cho bị đơn và những người liên quan, cũng như thực hiện các hành vi tố tụng khác nhằm thực hiện có hiệu quả việc giải quyết tranh chấp, bảo đảm cho bản án, quyết định của Tòa án được thi hành, bảo vệ tốt các quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, ổn định các mối quan hệ xã hội. Ngoài ra, còn đáp ứng được thực tế các vụ việc phát sinh cần giải quyết trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay.

2.2.2. Thẩm quyền công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài, quyết định của Trọng tài nước ngoài và tương trợ tư pháp

Thẩm quyền của Tòa án Việt Nam đối với việc công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài, quyết định của Trọng tài nước ngoài khi thuộc một trong 2 trường hợp sau đây, 1) giữa Việt Nam và nước ngoài đó đã ký kết hoặc gia nhập điều ước quốc tế về vấn đề này; 2) trên cơ sở có đi có lại (mà không đòi hỏi Việt Nam và nước đó phải ký kết hoặc gia nhập điều ước quốc tế về vấn đề đó), tuy nhiên, trong cả hai trường hợp trên vẫn đều đòi hỏi điều kiện pháp luật Việt Nam quy định công nhận và cho thi hành.

Pháp luật quy định, Tòa án Việt Nam có thẩm quyền ủy thác tư pháp về dân sự cho Tòa án nước ngoài và thực hiện ủy thác tư pháp về dân sự của Tòa án nước ngoài. Tương trợ tư pháp trong tố tụng dân sự được thực hiện theo nhiều phương thức khác nhau nhưng để đạt được hiệu quả mà vẫn giữ vững được chủ quyền, an ninh quốc gia thì phải tuân theo những nguyên tắc nhất định.

Formatted: Indent: First line: 0.5", Space
Before: 0 pt, After: 0 pt, Line spacing:
Multiple 1.2 li

2.3. Xác định thẩm quyền của Tòa án trong Tư pháp quốc tế theo các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên

2.3.1. ~~Đối với quan hệ tài sản là bất động sản:~~

~~Thẩm quyền giải quyết các vấn đề pháp lý thuộc về cơ quan tư pháp (Tòa án) nơi có bất động sản [21, đ22].~~

2.3.2. ~~Đối với vấn đề phát sinh từ hợp đồng:~~

~~Thẩm quyền giải quyết các vấn đề phát sinh từ hợp đồng thuộc cơ quan tư pháp (Tòa án) nơi bị đơn thường trú hoặc có trụ sở.~~

2.3.3. ~~Đối với nghĩa vụ phát sinh ngoài hợp đồng:~~

~~Thẩm quyền giải quyết thuộc về Cơ quan Tư pháp (Tòa án) nơi xảy ra sự kiện làm căn cứ để yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại hoặc nơi bị đơn thường trú hoặc có trụ sở.~~

2.3.4. M ~~Đối với yêu cầu tuyên bố một người mất và hoặc~~ hạn chế năng lực hành vi:

Thẩm quyền của Tòa án được xác định dựa trên tiêu chí quốc tịch của đương sự, theo đó, Cơ quan tư pháp của nước ký kết mà một người công dân là cơ quan có thẩm quyền đề tước hoặc hạn chế năng lực hành vi của người đó. Trường hợp nếu thấy có lý do để tước hoặc hạn chế năng lực hành vi của công dân nước ký kết kia thường trú ở nước mình thì cơ quan tư pháp của nước ký kết này sẽ tiến hành thủ tục tước hoặc hạn chế năng lực hành vi sau khi đã thông báo sự việc cho cơ quan tư pháp có thẩm quyền của nước kia biết nhưng trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày được thông báo mà cơ quan tư pháp của nước ký kết có công dân kia không tự mình tiến hành thủ tục cần thiết hoặc không bày tỏ thái độ.

Tòa án có thẩm quyền công nhận năng lực hành vi hạn chế là Tòa án của nước ký kết mà người có năng lực hành vi hạn chế là công dân

2.3.52. ~~Đối với yêu cầu tuyên bố một người~~ ~~Đối với việc công nhận người mất tích hoặc chết và xác nhận sự kiện chết:~~

Thẩm quyền của Tòa án được xác định dựa trên tiêu chí quốc tịch của đương sự, theo đó, Tòa án của nước ký kết mà theo những tin tức cuối cùng, người đó là công dân khi còn sống có thẩm quyền.

Trong trường hợp nhất định, để bảo vệ người có quyền lợi, thì Thẩm quyền của Tòa án được xác định dựa trên tiêu chí mối liên quan của vụ việc đối

với lãnh thổ của quốc gia có tòa án, cụ thể là nơi đương sự cư trú, theo đó, theo đơn yêu cầu của người cư trú trên lãnh thổ nước mình, Tòa án có thể công nhận người mất tích hoặc chết và xác nhận sự kiện chết đối với công dân của nước ký kết kia, nếu theo pháp luật của nước họ đang cư trú người đứng đơn có quyền và lợi ích (tuy nhiên trường hợp này chỉ có hiệu lực pháp lý trên lãnh thổ nước ký kết có cơ quan tư pháp đã ra quyết định).

2.3.63. Đối với tranh chấp về ~~Đối với~~ quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản giữa vợ chồng:

Thẩm quyền của Tòa án được xác định dựa trên tiêu chí quốc tịch chung của vợ chồng, và cả tiêu chí mối liên quan của vụ việc đối với lãnh thổ của quốc gia có tòa án, cụ thể là nơi 2 vợ chồng cư trú chung; nếu 2 vợ chồng không cùng quốc tịch, mỗi người lại cư trú ở lãnh thổ một nước ký kết thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án của nước ký kết nơi họ có thường trú chung cuối cùng, nếu vợ chồng không có nơi thường trú chung thì Tòa án của cả hai nước đều có thẩm quyền. Riêng có Hiệp định còn quy định thêm trường hợp chuyển giao bất động sản của vợ chồng thì thuộc thẩm quyền giải quyết của nước ký kết nơi có bất động sản. Còn có Hiệp định quy định thêm trong trường hợp Tòa án nước ký kết này đang tiến hành tố tụng công khai, thì Tòa án nước ký kết kia không được thụ lý vụ kiện, còn vụ kiện thụ lý sau sẽ bị chấm dứt.

2.3.74. Đối với vụ việc ~~Lly~~ hôn và công nhận hôn nhân vô hiệu:

Thẩm quyền của Tòa án được xác định dựa trên tiêu chí quốc tịch chung của vợ chồng, hoặc tiêu chí nếu khi đưa đơn ly hôn cả hai vợ chồng đều cư trú trên lãnh thổ của nước ký kết kia thì Tòa án của nước ký kết kia cũng có thẩm quyền giải quyết. Nếu hai vợ chồng người có quốc tịch của nước ký kết này, người có quốc tịch của nước ký kết kia thì Tòa án của nước nơi cả hai vợ chồng đang (hoặc đã cùng) cư trú có thẩm quyền giải quyết. Nếu hai vợ chồng không cùng cư trú ở một nước ký kết thì Tòa án của cả hai nước ký kết đều có thẩm quyền giải quyết.

Hoặc cũng có trường hợp bổ xung thêm, cơ quan có thẩm quyền giải quyết là cơ quan của nước ký kết nơi vợ chồng nộp đơn.

Và cũng có Hiệp định còn quy định thêm trong trường hợp Tòa án nước ký kết này đang tiến hành tố tụng công khai, thì Tòa án nước ký kết kia không được thụ lý vụ kiện, còn vụ kiện thụ lý sau sẽ bị chấm dứt.

2.3.85. Đối với q-Quan hệ pháp luật giữa cha mẹ và con cái

***-Đối** với việc xác nhận hay khước từ quan hệ cha con thì Tòa án của nước ký kết mà đứa trẻ là công dân hoặc đang có nơi cư trú đều có thẩm quyền giải quyết; hoặc chỉ có Tòa án của nước ký kết nơi người con thường trú có thẩm quyền giải quyết.

Hoặc cũng có Hiệp định quy định thẩm quyền giải quyết các quan hệ pháp lý giữa cha mẹ và con cái thuộc về cơ quan nước ký kết mà người con là công dân, cơ quan nước ký kết nơi người con thường trú cũng như cơ quan nước ký kết nơi người bị kiện thường trú.

Hoặc có bổ sung thêm quan hệ pháp luật giữa cha mẹ và con cái, cha mẹ hoặc một trong hai người cư trú ở nước ký kết này còn đứa trẻ lại cư trú ở nước ký kết kia, thì thẩm quyền giải quyết thuộc về Tòa án của nước ký kết nơi nguyên đơn cư trú.

2.3.6. Đối với tranh chấp về *~~Yêu cầu~~ cấp dưỡng

Thẩm quyền thuộc về cơ quan tư pháp (Tòa án) của nước ký kết nơi người đòi cấp dưỡng thường trú.

2.3.97. Hủy ~~Đối với yêu cầu chấm dứt bỏ~~ việc nuôi con nuôi

Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án của nước ký kết mà người xin hủy bỏ việc nuôi con nuôi là công dân; trong trường hợp mà chồng là công dân của nước ký kết này, vợ là công dân của nước ký kết kia thì Tòa án của nước ký kết nơi hai vợ chồng đang có hoặc đã có nơi cư trú hoặc nơi tạm trú chung có thẩm quyền giải quyết.

Tòa án có thẩm quyền chấm dứt việc nuôi con nuôi là Tòa án của nước ký kết mà người được nuôi là công dân.

2.3.118. Đối với tranh chấp phát sinh từ hợp đồng

Thẩm quyền giải quyết thuộc về Tòa án của bên ký kết nơi bị đơn thường trú hoặc có trụ sở. Tòa án của bên ký kết nơi nguyên đơn thường trú hoặc có trụ sở cũng có thẩm quyền giải quyết nếu trên lãnh thổ của nước này có đối tượng tranh chấp hoặc tài sản của bị đơn. Các bên giao kết hợp đồng có thể thỏa thuận với nhau nhằm thay đổi thẩm quyền giải quyết các vấn đề nêu trên.

Hoặc, Tòa án của các bên ký kết cũng có thẩm quyền giải quyết vụ việc, nếu các bên đương sự có thỏa thuận bằng văn bản.

2.3.9. Trách nhiệm do gây thiệt hạiĐối với tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng

Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án của nước ký kết nơi xảy ra những hành vi hoặc những tình tiết khác là cơ sở để đòi bồi thường thiệt hại. Hoặc cũng có Hiệp định bổ sung thêm quy định Thẩm quyền thuộc về Tòa án của nước ký kết mà người gây thiệt hại và người bị hại đều là công dân; hoặc Tòa án của nước ký kết nơi người đưa đơn kiện thường trú cũng có thẩm quyền trong trường hợp người bị kiện có tài sản ở nước này; hoặc cơ quan của nước ký kết nơi bị đơn thường trú có thẩm quyền.

Hoặc cũng có Hiệp định quy định cơ quan có thẩm quyền giải quyết vụ án đã được khởi kiện để đòi bồi thường thiệt hại là cơ quan tư pháp của nước ký kết nơi xảy ra hành vi hoặc sự cố gây thiệt hại, nơi phát sinh hậu quả thực tế hoặc nơi bị đơn cư trú. Ngoài ra, cơ quan tư pháp của nước ký kết nơi nguyên đơn cư trú cũng có thẩm quyền giải quyết nếu bị đơn có tài sản trên lãnh thổ của nước ký kết đó.

2.3.10. Về thừa kế vàĐối với tranh chấp về thừa kế tài sản

Thẩm quyền giải quyết ~~thừa kế và~~ tranh chấp về thừa kế động sản thuộc cơ quan Tư pháp của nước ký kết mà người để lại của thừa kế là công dân khi chết; thẩm quyền giải quyết ~~thừa kế và~~ tranh chấp về thừa kế bất động sản thuộc cơ quan Tư pháp của nước ký kết nơi có bất động sản; trường hợp toàn bộ động sản thừa kế của công dân nước ký kết này lại để ở nước ký kết kia, thì cơ quan của nước ký kết kia có thể quyết định về khối động sản ấy khi được một người thừa kế nào đó yêu cầu và với điều kiện là tất cả những người thừa kế được biết khác đều thỏa thuận.

Hoặc quy định thêm, đối với các vấn đề thừa kế động sản, thẩm quyền giải quyết thuộc cơ quan ~~tư~~ pháp của bên ký kết nơi người để lại di sản thừa kế thường trú cuối cùng.

2.3.11. Đối với tranh chấp về lao độngĐối với tranh chấp về lao động,

Thẩm quyền của Tòa án được xác định dựa trên tiêu chí mối liên quan mà cụ thể là nơi thực hiện hành vi hoặc nơi ~~thường~~ ~~nguyên~~ ~~gây~~ ~~trú~~ của đương sự, hoặc cả sự thỏa thuận của các đương sự: 50-Belarus, 40-Ukraine. ~~T~~hẩm quyền giải quyết tranh chấp phát sinh ~~từ~~ hợp đồng ~~lao~~ ~~động~~ thuộc Tòa án của bên ký kết nơi công việc đang, đã hoặc cần được thực hiện. ~~T~~òa án của bên ký

Formatted: Font: 16 pt, Not Bold, Portuguese (Brazil)

Formatted: Font: 16 pt, Not Bold, Portuguese (Brazil)

Formatted: Font: 16 pt, Not Bold, Portuguese (Brazil)

kết nơi th~~ường~~ ~~uonwgf~~ trú hoặc lưu trú của bị đơn, cũng như của nguyên đơn, nếu trên lãnh thổ của nước này có đối tượng tranh chấp hoặc tài sản của bị đơn, các bên tham gia hợp đồng có thể thỏa thuận lựa chọn Tòa án có thẩm quyền khác với Tòa án được quy định trên đây.

2.3.1312. Về ủy thác tư pháp, công nhận và thi hành quyết định

Tất cả các Hiệp định đều có quy định về thẩm quyền của Tòa án đối với việc ủy thác tư pháp, công nhận và thi hành bản án, quyết định dân sự của Tòa án, quyết định của Trọng tài nước ký kết kia tại nước ký kết này, cụ thể là đối với những việc gì, thủ tục như thế nào, trường hợp nào từ chối.

Chương 3

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ XÁC ĐỊNH THẨM QUYỀN CỦA TOÀ ÁN TRONG TƯ PHÁP QUỐC TẾ

3.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện pháp luật về xác định thẩm quyền của Tòa án trong ~~Tư pháp Quốc tế~~ Tư pháp quốc tế

3.1.1. Bối cảnh quốc tế

Các quan hệ dân sự (theo nghĩa rộng) có yếu tố nước ngoài là hiện tượng diễn ra ngày một phổ biến trong xã hội ngày nay, khi toàn cầu hóa, quốc tế hóa ~~nền-nền~~ kinh tế là xu thế tất yếu của hầu hết các quốc gia trên thế giới. Việc di cư là một nguyên nhân quan trọng làm cho số lượng các quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài ngày càng tăng.

3.1.2. Chủ trương của Đảng và Nhà nước là cơ sở quan trọng cho việc hoàn thiện pháp luật về xác định thẩm quyền của Tòa án trong ~~Tư pháp Quốc tế~~ Tư pháp quốc tế

Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 27-11-2001, Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02-01-2002, Nghị quyết 48-NQ/TW ngày 24-5-2005 và Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02-6-2005 của Bộ Chính trị đều có nội dung tăng cường hợp tác quốc tế về tư pháp, tiếp tục ký kết hiệp định tương trợ tư pháp với các nước khác... về lĩnh vực ~~tư pháp quốc tế~~ Tư pháp quốc tế nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, tổ chức, công dân Việt Nam, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và khu vực.

3.1.3. Tình hình thực tế của Việt Nam về thẩm quyền của Tòa án trong ~~Tư pháp quốc tế~~ Tư pháp quốc tế

Đối với các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài thì thường là phức tạp, thời gian giải quyết kéo dài do chính đặc thù của nó. Bên cạnh đó, sau khi Tòa án ra được phán quyết, vấn đề phán quyết có được thực thi hay không, trong đó bao gồm cả việc nhà nước khác có tôn trọng hay không là vấn đề cần giải quyết. Các vụ việc là ví dụ được minh họa trong luận văn phần nào phản ánh tình hình thực tế của Việt Nam về thẩm quyền của Tòa án trong ~~Tư pháp quốc tế~~ Tư pháp quốc tế, mà cụ thể là việc thực tế pháp luật Việt Nam quy định thẩm quyền chung của Tòa án Việt Nam và thẩm quyền riêng biệt của Tòa án Việt Nam đối với các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài.-

3.2. Một số kiến nghị nhằm tiếp tục hoàn thiện pháp luật về xác định thẩm quyền của Tòa án trong ~~Tư pháp Quốc tế~~ Tư pháp quốc tế

3.2.1. Các giải pháp chung

3.2.1.1. Hoàn chỉnh các tiêu chí xác định thẩm quyền của Tòa án trong Tư pháp quốc tế

Qua việc nghiên cứu pháp luật một số nước và một số Điều ước quốc tế đa phương có quy định xác định thẩm quyền của Tòa án dựa trên tiêu chí quốc tịch, tiêu chí mối liên quan của vụ việc đối với lãnh thổ của quốc gia có tòa án và tiêu chí thỏa thuận chọn tòa án của các đương sự, đối chiếu với pháp luật của Việt Nam, thấy rằng, hiện nay, Việt Nam chưa ~~có~~ xây dựng được hoàn chỉnh các tiêu chí xác định thẩm quyền của Tòa án đối với các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài.

Để phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của nước ta hiện nay đang ngày càng hội nhập sâu rộng với đời sống kinh tế quốc tế, thì cần hoàn thiện pháp luật của Việt Nam xác định thẩm quyền của Tòa án trong ~~Tư pháp quốc tế~~ Tư pháp quốc tế, cụ thể là tiêu chí sự thỏa thuận của các bên đương sự, theo đó, 1) Nếu các bên trong quan hệ tranh chấp có thỏa thuận về sự lựa chọn tòa án riêng biệt trên cơ sở quy định của các Điều ước quốc tế thì việc xác định thẩm quyền của Tòa án sẽ dựa vào thỏa thuận này; 2) Nếu các đương sự không có thỏa thuận lựa chọn tòa án thì việc xác định thẩm quyền của Tòa án căn cứ vào những quy định chung của các Điều ước quốc tế và pháp luật quốc gia của nước có liên quan đến tranh chấp đó.

3.2.1.2. Ký kết hoặc tham gia các Điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp

~~Bên cạnh đó, cũng cần phải xem xét quy định của Bộ luật tố tụng dân sự theo hướng:~~

~~Về Khoản 2 Điều 352: Khoản 2 Điều 352 quy định về quyền yêu cầu giải thích là khó hiểu và không cần thiết bởi lẽ, khó hiểu vì cụm từ "những điểm chưa rõ" là những điểm gì (?). Có những điều chưa rõ ảnh hưởng tới việc cho (hoặc huỷ) việc công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định của toà án nước ngoài. Có điểm không ảnh hưởng tới điều đó. Vậy thì, trong trường hợp thứ hai, không cần thiết phải yêu cầu. Nếu cứ quy định như vậy thì trong thực tế có thể xảy ra việc không rõ bất cứ vấn đề gì theo cách hiểu của các quan toà, việc xét công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của toà án~~

~~nước ngoài cũng có thể bị kéo dài thêm có thể tới hai tháng. Do vậy, trong trường hợp này, cần quy định là "những điểm chưa rõ liên quan các điều kiện quyết định tới việc công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài". Việc yêu cầu toà án nước ngoài giải thích có nên chăng vì việc thực hiện quyền yêu cầu công nhận và thi hành là thuộc về các đương sự chứ không phải là toà án.~~

~~Về khoản 4 Điều 356: Cần sửa là: "Về cùng vụ án (vụ việc) này, đã có bản án, quyết định dân sự của toà án Việt Nam có hiệu lực pháp luật hoặc của toà án nước ngoài được hoặc đang được xét công nhận và thi hành tại Việt Nam hoặc đã được thi hành ở nước ngoài hoặc trước khi cơ quan nước ngoài thụ lý vụ án, toà án Việt Nam đã thụ lý và đang giải quyết vụ án đó". Bởi nếu không, sẽ có nguy cơ một bản án quyết định của toà án nước ngoài về cùng vụ việc như vậy đang được xét ở Việt Nam về công nhận và cho thi hành tại Việt Nam, vẫn được xét tiếp, hoặc bản án quyết định được thi hành ở nước ngoài đó hoặc nước ngoài khác.~~

~~Về khoản 2 Điều 367 (giống như khoản 2 Điều 353)~~

~~Về điểm b khoản 1 Điều 370: Cần sửa là "thoả thuận trọng tài không có giá trị pháp lý theo pháp luật của quốc gia có trọng tài nếu pháp luật đó không quy định khác". Bởi, thứ nhất trọng tài nước ngoài ở đây không có nghĩa chỉ là trọng tài của quốc gia nước ngoài, mà còn là trọng tài của tổ chức quốc tế (ví dụ, trọng tâm trọng tài Quốc tế Cua – Lăm – pua ở Ma – Lai – Xia). Thứ hai, việc các bên có được chọn pháp luật điều chỉnh thoả thuận trọng tài hay không phụ thuộc vào pháp luật của quốc gia có trọng tài, chứ không phải theo pháp luật Việt Nam được (điều này đã được quy định trong pháp lệnh trọng tài Việt Nam).~~

~~Điểm d khoản 1 Điều 370: Cần sửa là: "Thành phần của trọng tài, thủ tục giải quyết tranh chấp của trọng tài không phù hợp với pháp luật của quốc gia có trọng tài đó". Bởi, thứ nhất, việc các bên thoả thuận về thành phần trọng tài và thủ tục giải quyết tranh chấp của trọng tài cũng phải dựa theo pháp luật đó. Pháp luật đó sẽ quy định phạm vi của thoả thuận. Do vậy, cách quy định như vậy là chuẩn xác trong cả trường hợp khi trọng tài ra quyết định tại quốc gia không phải là trọng tài của quốc gia đó. Thứ hai, cách quy định như Dự thảo,~~

người ta có thể hiểu là thoả thuận về thành phần trọng tài và thủ tục giải quyết tranh chấp cao hơn pháp luật các quốc gia về điều đó.

Điểm g khoản 1 Điều 370: Cần sửa là: "Quyết định trọng tài đã bị cơ quan có thẩm quyền của nước có trọng tài huỷ bỏ hoặc đình chỉ thi hành". Bởi, cách quy định như Dự thảo cụm từ "hoặc của nước có pháp luật đã được áp dụng huỷ bỏ, hoặc đình chỉ thi hành" là khó hiểu. Vấn đề đặt ra là cơ quan của quốc gia có pháp luật được áp dụng ở đây khi nào có điều kiện và cần ra các quyết định như vậy (?). Pháp luật được áp dụng ở đây là pháp luật gì (về nội dung hay về tổ tụng trọng tài) (?).

Về khoản 1, Điều 374: Theo cách quy định này thì Quyết định đã tuyên của toà án Việt Nam về việc cho công nhận và thi hành quyết định của trọng tài nước ngoài có được thực thi trên thực tế hay không còn phụ thuộc vào việc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài có xem xét huỷ bỏ hoặc đình chỉ quyết định đó hay không?

Việc một quyết định của trọng tài nước ngoài có thể được yêu cầu công nhận và thi hành hoặc bị yêu cầu huỷ việc công nhận và thi hành có thể ở nhiều quốc gia khác nhau do vì cách quy định của các quốc gia không giống nhau, tài sản của bị đơn có thể ở nhiều quốc gia Việc chúng ta quy định điều kiện không công nhận và cho thi hành quyết định trọng tài nước ngoài khi quyết định đó đã được công nhận và thi hành quốc gia khác là hợp lý bởi không thể về một vụ việc bị đơn lại phải buộc thi hành hai lần. Còn việc công nhận thì có thể yêu cầu ở nhiều quốc gia và các quốc gia đó đều có thể xét theo cách của mình mà không phụ thuộc vào quốc gia khác. Cũng như vậy, việc huỷ quyết định của trọng tài nước ngoài tại quốc gia có trọng tài đó là được nhưng nếu ở quốc gia khác thì không thể cản trở chúng ta tiến hành công nhận và thi hành theo pháp luật của Việt Nam khi chúng ta đã xét điều đó. Do vậy, theo tôi khoản này nên sửa như sau: "Trong trường hợp nhận được thông báo bằng văn bản của Bộ Tư pháp về việc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài có trọng tài ra quyết định đã được toà án Việt Nam xét công nhận và cho thi hành tại Việt Nam đang xét việc huỷ quyết định đó, thì thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định tạm đình chỉ thi hành quyết định của trọng tài nước ngoài và gửi bản sao quyết định đó cho toà án đã ra quyết định công nhận và cho thi hành tại Việt Nam quyết định của trọng tài nước ngoài".

*-Không phải tất cả các Hiệp định đều có quy định để loại trừ hản tranh chấp về thẩm quyền vì trong nhiều Hiệp định vẫn có quy định đối với vụ việc có cùng các bên đương sự và cùng một nội dung nhưng cơ quan tư pháp của cả hai nước đều có thẩm quyền, vì vậy, cần nghiên cứu để trong các Hiệp định tương trợ tư pháp mà Việt Nam có thể ký kết sau này sẽ khắc phục được những hạn chế trên, giúp cho giải quyết triệt để vấn đề xung đột thẩm quyền của cơ quan tư pháp các quốc gia liên quan. Và nguyên tắc cơ bản là Tòa án của nước nào thụ lý trước thì Tòa án của nước đó có thẩm quyền. Đặc biệt, trước xu thế và yêu cầu của hoạt động hợp tác và hội nhập quốc tế trong lĩnh vực tư pháp hiện nay thì Việt Nam nên xem xét tham gia Hội nghị Lahaye về ~~tư pháp quốc tế~~ Tư pháp quốc tế. Bên cạnh đó, đối với những nước có quan hệ kinh doanh, thương mại sôi động, hay những nước có nhiều người Việt Nam học tập, làm ăn, sinh sống thì Việt Nam nên xúc tiến ký kết Hiệp định tương trợ tư pháp.

Trong số các giải pháp chung, ngoài hai giải pháp trên thì các giải pháp sau đây dù không mang tính quyết định nhưng cũng ảnh hưởng không nhỏ đến việc hoàn thiện pháp luật về vấn đề này.

3.2.1.3. *Có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức của cán bộ, công chức ngành Tòa án*

Cần phải có chương trình, kế hoạch cụ thể đào tạo kiến thức về pháp luật Quốc tế, đặc biệt là thẩm quyền của Tòa án trong ~~Tư pháp Quốc tế~~ Tư pháp quốc tế, kiến thức về ngoại ngữ, tin học để đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức của cán bộ, công chức ngành Tòa án thông thạo nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học, am hiểu pháp luật quốc tế đáp ứng được yêu cầu trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

3.2.1.4. *Cần có quy định, cơ chế cụ thể trong việc phối hợp giữa Tòa án với các cơ quan hữu quan*

Sự thiếu phối hợp cũng như chưa thực hiện hết chức năng, nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật làm cho việc giải quyết các tranh chấp dân sự có yếu tố nước ngoài bị kéo dài, có nhiều trường hợp phải tạm đình chỉ để chờ kết quả ủy thác. Vì vậy, bên cạnh việc quy định bằng văn bản pháp luật về thời hạn cho từng cơ quan trong quá trình thực hiện ủy thác tư pháp thì cũng cần phải có cơ chế phối hợp giữa các cơ quan hữu quan.

3.2.1.5. Cải thiện từng bước cơ sở vật chất và hoàn thiện tổ chức của ngành Tòa án

Từng bước cải thiện cơ sở vật chất của ngành Tòa án, trang bị các phương tiện cần thiết để phục vụ cho việc cập nhật thông tin, tài liệu nghiệp vụ nói chung và các tài liệu về pháp luật quốc tế nói riêng, trong đó đặc biệt là pháp luật quốc tế về thẩm quyền của Tòa án.

Tổ chức hệ thống Tòa án theo thẩm quyền xét xử, không phụ thuộc vào đơn vị hành chính, gồm: Tòa án sơ thẩm khu vực được tổ chức ở một hoặc một số đơn vị hành chính cấp huyện, Tòa án phúc thẩm có nhiệm vụ chủ yếu là xét xử phúc thẩm và xét xử sơ thẩm một số vụ án, Tòa thượng thẩm được tổ chức theo khu vực có nhiệm vụ xét xử phúc thẩm, Tòa án nhân dân tối cao có nhiệm vụ tổng kết kinh nghiệm xét xử, hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật, phát triển án lệ và xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm...

3.2.1.6. Phân công các Thẩm phán chuyên trách giải quyết các vụ án, vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài

Do các vụ án, vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài mang tính đặc thù đòi hỏi người Thẩm phán ngoài việc nắm chắc pháp luật trong nước còn phải giỏi ngoại ngữ để hiểu được pháp luật nước ngoài, điều ước quốc tế, tập quán quốc tế, như vậy, có thể nói là Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết các vụ án, vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài cần một khối lượng kiến thức gấp hai lần những Thẩm phán giải quyết các vụ việc không có yếu tố nước ngoài. Vì vậy, cần phân công các Thẩm phán chuyên trách giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài

3.2.6.2. Sửa đổi, bổ sung một số quy định cụ thể

*****Cần bổ sung Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 cho tương thích, đồng bộ theo như quy định dẫn tại khoản 1 Điều 410, cụ thể là tại Chương III, Điều 36 bổ sung cho đầy đủ tại điểm b, điểm c khoản 1 những trường hợp thuộc thẩm quyền của Tòa án theo sự lựa chọn của nguyên đơn, người yêu cầu:

“... ”

b. Nếu tranh chấp phát sinh từ hoạt động của chi nhánh, **văn phòng đại diện** tổ chức thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi tổ chức có trụ sở hoặc nơi tổ chức có chi nhánh, **văn phòng đại diện** giải quyết;

c. Nếu bị đơn không có nơi cư trú, làm việc, trụ sở, **chỉ nhánh, văn phòng đại diện** ở Việt Nam hoặc vụ án về tranh chấp việc cấp dưỡng thì nguyên đơn có thể yêu cầu Toà án nơi mình cư trú, làm việc giải quyết;

...”

Điểm g khoản 2 Điều 410 cần được bổ sung như sau: “Vụ việc ly hôn mà nguyên đơn hoặc bị đơn là công dân Việt Nam, hoặc vụ việc ly hôn giữa người nước ngoài với nhau thường trú tại Việt Nam theo Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên”

Formatted: Font: 16 pt, Bold

***-Quy định tại điểm c khoản 1 Điều 411 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 cần được bổ sung như sau “Vụ án ly hôn giữa công dân Việt Nam với công dân nước ngoài hoặc người không quốc tịch, nếu **việc kết hôn được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam** và có hai vợ chồng cư trú, làm ăn, sinh sống ở Việt Nam”.**

Bên cạnh đó, tại khoản 1 Điều 411 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 cũng cần quy định ~~thêm~~**thêm** một điểm mới, đó là:

“...

d. Tranh chấp liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ phải được đăng ký ở Việt Nam như Bằng độc quyền sáng chế, Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhãn hiệu hàng hoá...”.

KẾT LUẬN

Trong điều kiện kinh tế xã hội hiện đại, nền kinh tế của một quốc gia sẽ chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố trực tiếp và gián tiếp của các quan hệ kinh tế quốc tế. Hiện nay không thể có một nền kinh tế của quốc gia nào lại có thể tồn tại, phát triển bằng sản xuất của riêng mình và chỉ khép kín trong phạm vi một quốc gia. Hội nhập kinh tế quốc tế là một quá trình hợp tác và phân công mang tính quốc tế hoá cao. Có hợp tác và có phân công thì cũng có những sự kiện làm gián đoạn, làm phát sinh tranh chấp và phải dùng đến quyền lực của cơ quan tư pháp của mỗi quốc gia để xem xét, giải quyết các tranh chấp (xét xử), là tiền đề và tất yếu dẫn đến sự hợp tác giữa các quốc gia trong lĩnh vực tư pháp (Tương trợ tư pháp trong tố tụng dân sự), và cả việc công nhận và thi hành bản án, quyết định dân sự của Toà án nước ngoài; quyết định của trọng tài nước ngoài. Những vấn đề này cũng cần phải có sự quy định của pháp luật để xác định cơ quan nào có thẩm quyền giải quyết. ~~ở~~**Ở** Việt Nam, pháp luật quy định thẩm

quyền này thuộc về Tòa án. Do đó, việc nghiên cứu Thẩm quyền của Tòa án trong Tư pháp Quốc-quốc tế là thực sự cần thiết.

Trước đây, thẩm quyền của Tòa án trong Tư pháp Quốc-quốc tế được quy định rải rác trong các văn bản pháp luật khác nhau như Luật tổ chức Tòa án nhân dân, Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án dân sự, Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án kinh tế, Pháp lệnh thủ tục giải quyết các tranh chấp lao động, Pháp lệnh công nhận và thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài, Pháp lệnh công nhận và thi hành tại Việt Nam quyết định của trọng tài nước ngoài, ~~Pháp lệnh về hôn nhân và gia đình giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài....~~ Nay, thẩm quyền của Tòa án trong Tư pháp Quốc tế Tư pháp quốc tế được quy định phần nào thống nhất trong Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 và một số văn bản pháp luật chuyên biệt.

Còn về Điều ước quốc tế thì mãi đến năm 1981 tại Hiệp định Tương trợ tư pháp và pháp lý về các vấn đề dân sự, gia đình và hình sự giữa nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô Viết (ký ngày 10/12/1981) (Liên bang Nga đang kế thừa) mới có quy định về thẩm quyền của Tòa án các nước ký kết....

Các quy định của pháp luật liên quan đến thẩm quyền của Tòa án trong Tư pháp Quốc-quốc tế đã hình thành và phát triển ngày càng có hệ thống và đang phát huy tác dụng tạo cơ sở pháp lý cho Tòa án giải quyết các vấn đề liên quan.

Tuy nhiên, để đáp ứng được đòi hỏi của thực tiễn phát sinh vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài, pháp luật về việc xác định thẩm quyền của Tòa án trong Tư pháp quốc tế cần phải được hoàn thiện. Việc hoàn thiện pháp luật về thẩm quyền của Tòa án trong ~~tư pháp quốc tế~~ Tư pháp quốc tế bao gồm cả các giải pháp chung cho đến việc bổ sung, sửa đổi một số quy định cụ thể. Các giải pháp chung đó là: Hoàn chỉnh các tiêu chí xác định thẩm quyền của Tòa án trong Tư pháp quốc tế; Ký kết hoặc tham gia các Điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp; Có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức của cán bộ, công chức ngành Tòa án; Cần có quy định, cơ chế cụ thể trong việc phối hợp giữa Tòa án với các cơ quan hữu quan; Cải thiện từng bước cơ sở vật chất và hoàn thiện tổ chức của ngành Tòa án; Phân công các Thẩm phán chuyên trách giải quyết các vụ án, vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài. Bổ-Sửa đổi, bổ sung một số quy định cụ

thể như: Bổ sung điểm b, c khoản 1 Điều 36, điểm g khoản 2 Điều 410, điểm c khoản 1 Điều 411 và thêm 1 điểm mới vào khoản 1 Điều 411 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004.

Hoàn thiện quy định của pháp luật Việt Nam về thẩm quyền của Tòa án trong ~~tư pháp quốc tế~~ Tư pháp quốc tế là cần thiết và hoàn toàn phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước, đặc biệt là các Nghị quyết 08, 48, 49 của Bộ Chính trị. Việc hoàn thiện này sẽ góp phần hoàn thiện cả hệ thống pháp luật của Việt Nam, tạo điều kiện thuận lợi cho sự hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước.